

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:

Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Tâm lý học ; Chuyên ngành: Tâm lý học lâm sàng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đặng Hoàng Minh

2. Ngày tháng năm sinh: 25/08/1979; Nam Nữ Quốc tịch: Việt nam;

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Triệu Phong, Quảng trị

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Ngõ 32 Đông tác, Đông Đa, Hà nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 20/85 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0396941115; E-mail: minhhdh@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 7/2006 đến nay: Giảng viên, Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN

Từ tháng 01 năm 2007 đến tháng 01 năm 2009: Thực tập sau tiến sĩ, ĐH Vanderbilt, Hoa Kỳ

Từ tháng 9 năm 2016 đến tháng 7 năm 2017: Học giả Fulbright, ĐH Illinois tại Urbana-Champaign, Hoa Kỳ.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 9 năm 2006 đến tháng 12 năm 2009: Điều phối viên chương trình thạc sĩ Tâm lý học hướng nghiệp- Viện Quốc Gia về Lao Động và Hướng nghiệp Pháp (L'INETOP), Trung tâm Đại học Pháp (PUF) và Khoa Sư phạm, ĐHQGHN.

Từ tháng 9 năm 2009 đến tháng 8 năm 2017: Điều phối viên chương trình thạc sĩ và tiến sĩ Tâm lý học lâm sàng, Trường ĐH Giáo dục.

Từ tháng 12 năm 2009 đến tháng 10 năm 2022: Giám đốc Trung tâm Thông tin Hướng nghiệp và Nghiên cứu, Ứng Dụng Tâm lý, Trường ĐH Giáo dục.

Từ tháng 5 năm 2016 đến nay: Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN về tâm lý học lâm sàng.

Từ tháng 01 năm 2018 đến nay: Chủ nhiệm bộ môn Giáo dục và Trị liệu, Khoa các Khoa học Giáo dục, Trường ĐH Giáo dục.

Từ tháng 09 năm 2022 đến nay: Viện trưởng Viện nghiên cứu lâm sàng về Xã hội, Tâm lý và Giáo dục, trường ĐHGĐ.

Từ tháng 6 năm 2016 đến tháng 9 năm 2018: Thư kí, Hội đồng khoa học liên ngành Tâm lý-Giáo dục, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (Nafosted)

Từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 11 năm 2022: Chủ tịch Hội đồng khoa học liên ngành Tâm lý-Giáo dục, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (Nafosted)

Từ tháng 12 năm 2022 đến nay: Thành viên Hội đồng khoa học liên ngành Tâm lý-Giáo dục, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (Nafosted)

Từ tháng 10 năm 2021 đến nay: Giám đốc Quỹ Tài năng trẻ Tâm lý-Giáo dục, Hội Khoa học Tâm lý-Giáo dục Việt nam.

Từ năm 2020, thành viên Ban biên tập tạp chí Contemporary School Psychology (Springer), VMOST Journal of Social Sciences and Humanities (VMOST JOSSH) (Bộ KH&CN), Tạp chí Giáo dục, ấn bản tiếng Anh (Bộ GD &ĐT).

Chức vụ: Hiện nay: Viện trưởng Viện nghiên cứu lâm sàng về Xã hội, Tâm lý và Giáo dục, trường ĐHGĐ; Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc Trung tâm Thông tin Hướng nghiệp, Nghiên cứu và Ứng dụng Tâm lý, trường ĐHGĐ

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN

Địa chỉ cơ quan: Nhà G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà nội

Điện thoại cơ quan: 0247.3017.123

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

.....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 09 tháng 07 năm 2001; số văn bằng: B318901; ngành: Tâm lý học, chuyên ngành..... Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐHKHXH & NV, ĐHQGHN, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 26 tháng 11 năm 2002; số văn bằng:; ngành: Tâm lý học, chuyên ngành: Tâm lý học cá nhân hóa và những biến đổi xã hội; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐH Toulouse II-Le Mirail, CH Pháp

- Được cấp bằng TS ngày 15 tháng 3 năm 2007; số văn bằng: TOULII4647181; ngành: Tâm lý học, chuyên ngành Tâm lý học cá nhân hóa và những biến đổi xã; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường ĐH Toulouse II-Le Mirail, CH Pháp

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được công nhận chức danh PGS ngày 12 tháng 12 năm 2012, bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016 ngành: Tâm lý học

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Giáo dục, ĐHQGHN

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Tâm lý học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu 1: Các vấn đề tâm bệnh của trẻ em và vị thành niên: Các nghiên cứu đánh giá tỉ lệ các rối loạn tâm thần ở trẻ em và vị thành niên Việt nam như rối loạn trầm cảm, lo âu, trải nghiệm tuổi thơ tiêu cực, các công cụ đánh giá tâm bệnh v.v.

Hướng nghiên cứu 2: Năng lực sức khỏe tâm thần của các nhóm dân số khác nhau: Các nghiên cứu tập trung phân tích kiến thức, thái độ của người dân về sức khỏe tâm thần như rối loạn trầm cảm, rối loạn lo âu, v.v cũng như các chương trình nâng cao năng lực sức khỏe tâm thần.

Hướng nghiên cứu 2: Xây dựng và triển khai các chương trình trị liệu tâm lý và can thiệp sức khỏe tâm thần, đặc biệt là các chương trình dựa vào trường học.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 04 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp ĐHQGHN (chủ nhiệm đề tài); 03 đề tài cấp nhà nước trong đó là chủ nhiệm 02 đề tài Nafosted, thư kí 01 đề tài cấp nhà nước; 05 đề tài quốc tế (đồng chủ nhiệm hoặc thư kí).

- Đã công bố (số lượng) 90 bài báo khoa học, trong đó 23 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 18, trong đó 16 cuốn thuộc nhà xuất bản có uy tín;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 - Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm 2015, 2018, 2019, 2021, 2022
- Chiến sĩ thi đua cấp cấp ĐHQGHN năm 2020
- Giấy khen của Hiệu trưởng trường ĐHGĐ cho điển hình tiên tiến 5 năm 2010-2015
- Bằng khen của giám đốc ĐHQGHN về thành tích NCKH, năm 2016, 2022
- Bằng khen Tài năng trẻ do Hội Khoa học Tâm lý-Giáo dục Việt Nam trao, năm 2017
- Giấy khen của Hiệu trưởng trường ĐHGĐ cho cá nhân có thành tích khoa học xuất sắc, năm 2018;
- Bằng khen của bộ trưởng Bộ GD-ĐT, năm 2018
- Bằng khen của Giám đốc ĐHQGHN nhân dịp 20 năm thành lập trường ĐHGĐ, năm 2019

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đạt tiêu chuẩn, cụ thể

- Về phẩm chất chính trị: tôi luôn có bản lĩnh chính trị, thực hiện nghiêm túc đường lối, chính sách của Đảng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan.

- Về đạo đức, lối sống: tôi luôn giữ vững phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trước người học và đồng nghiệp. Với đồng nghiệp, tôi luôn chân thành, trung thực, thẳng thắn và hợp tác, chia sẻ. Với người học, sinh viên, tôi luôn nhiệt tình hỗ trợ, công bằng.

- Về năng lực chuyên môn, nghề nghiệp: chủ động trong công việc; có khả năng sư phạm, luôn có ý thức học hỏi để cải tiến phương pháp giảng dạy và nghiên cứu.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 15 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
03 năm học cuối								
1	2020-2021	02 HD độc lập		03		132	498	649.5/160/200
2	2021-2022	01 HD chính		03		201.5	592.5	754/325/200
3	2022-2023	01 độc		02	2	135	315	420/220/250

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

		lập					
--	--	-----	--	--	--	--	--

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Pháp, Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: Pháp năm 2002 và 2006

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): ĐH Illinois tại Urban-Champaign, Hoa Kỳ; Trường ĐH Ngoại Ngữ, ĐHQGHN

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: Thực tập sau tiến sĩ (1 năm) tại ĐH Vanderbilt, Hoa Kỳ và Học giải Fulbright tại ĐH Illinois tại Urban-Champaign, Hoa Kỳ (1 năm).

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Thu Hiền	x		X (HD độc lập)		2016-2022	Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN	QĐ cấp bằng số 396/QĐ-ĐHGD, ngày 23 tháng 3 năm 2022
2	Lê Thị Huyền Trang	x		X		2017-2022	Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN	QĐ cấp bằng số 576/QĐ-ĐHGD, ngày 18 tháng 4 năm

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

								2022
3	Nguyễn Thái Quỳnh Chi	x		X		2015-2022	Trường ĐH Y tế công cộng	QĐ số 246/QĐ-ĐH YTCC, ngày 15 tháng 4 năm 2022
4	Đỗ Thị Hạnh Trang	x			X	2016-2019	ĐH Công nghệ Queensland, Úc	Bằng TS

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS						
1	L'enfant dans le lien social, les perspectives de la psychologie du développement	CK	Erès, 2003 ISBN 2-7492-0192-6	2		Chương: Représentation de la maladie et influence sur la croyance en la guérison : le cas des enfants cancéreux à Hanoi, VietNam, trang 247-252	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
2	Health Education in Context: An International Perspective of the Development of Health Education in Schools and Local Communities	CK	Sense Publishers, 2012 ISBN 978-94-6091-874-2	2		Chương: Mental Health Education and Training in Vietnam: the role of clinical psychology, tr 243-252	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
3	La formation professionnelle et les fonctions des psychologues cliniciens	CK	Erès, 2007 ISBN 978-2-296-03118-0	4		Chương: Création d'une filière de psychologie clinique au Vietnam, tr 413-419	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
4	Tâm lý học đại cương	GT	NXBĐHQGHN, 2009	3		Chương 4,5, tr141-255	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
5	Giáo dục, Tâm lý và Sức khỏe tâm thần trẻ em Việt Nam : Một số vấn đề lý luận và thực tiễn liên ngành	CK	NXBĐHQGHN, 2007	4		Chương: Bước đầu áp dụng nhận thức hành vi cho trẻ có rối loạn lo âu, tr 531-535	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

6	Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh THCS	TK	NXBĐHQGH, 2010	3	Đồng biên soạn	Đồng biên soạn	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
II	Sau khi được công nhận PGS						
7	SKTT trẻ em Việt Nam: Thực trạng và các yếu tố nguy cơ	CK	Cục xuất bản Việt Nam, 2013 GPXP số: 80/GP-CXB	3	Chủ biên	Toàn bộ sách	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
8	Nói kết-Chương trình giáo dục kỹ năng xã hội: Các bài học trên lớp dành cho học sinh lớp 1-5	TK	NXB GTVT, 2014 ISBN: 978-604-76-0280-3	4	Đồng chủ biên	Toàn bộ sách	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
9	Nói kết-Chương trình giáo dục kỹ năng xã hội: Sách hướng dẫn dành cho giáo viên	HD	NXB GTVT, 2014. ISBN: 978-604-76-0280-4	4	Đồng chủ biên	Toàn bộ sách	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
10	Tư vấn tâm lý học đường	TK	NXB ĐHQGHN, 2018, ISBN 978-604-968-745-7	3	Chủ biên	Chương 1,2,3,4 8 và chỉnh sửa toàn bộ sách	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
11	Giáo dục kỹ năng sống và các vấn đề xã hội	TK	NXB ĐHQGHN, 2018, ISBN 978-604-62-6039-4.	4	Chủ biên (2 chủ biên)	Chương 1, 2,3 và chỉnh sửa toàn bộ sách	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
12	Chương trình chăm sóc sức khỏe tâm thần dựa vào trường học	CK	NXB ĐHQGHN, 2019 ISBN:978-604-961-131-5.	3	Chủ biên	Chương 1,4,5,7 và chỉnh sửa toàn bộ sách	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
13	Introduction to School Psychology in Vietnam	GT	NXB ĐHQGHN, 2020 ISBN: 978-6049-928031	12	Chủ biên (3 chủ biên)	Chương 1, 2,7 và chỉnh sửa các chương còn lại	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
14	We feel sad and bored' : Covid-19 impacts on mental health of adolescents in Viet Nam	TK	ODI, London 2021 Giấy phép xuất bản: CC BY-NC-ND 4.0	9		Đồng biên soạn	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
15	Mental health and psychosocial well-being among adolescents in	TK	ODI, London 2022 Giấy phép xuất bản: CC BY-NC-ND 4.0.	10		Đồng biên soạn	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Viet Nam Findings from a mixed-methods baseline study						
16	'Let's learn together': co-creating mental health solutions with adolescents in Tanzania and Viet Nam	TK	ODI, London 2022 Giấy phép xuất bản: CC BY-NC-ND 4.0.	9		Đồng biên soạn	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
17	Tâm bệnh học	CK	NXB ĐHQGHN, 2022 ISBN: 978-604-369-319-5	3	Chủ biên	Chương 1-5, 7-9,11,13 và chỉnh sửa toàn bộ sách	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN
18	Trải nghiệm tuổi thơ tiêu cực: Những vấn đề lý luận và thực tiễn	CK	NXB ĐHQGHN, 2023 ISBN 978- 604-396- 754-8	4	Chủ biên	Chương 1,2,3,5,7 và chỉnh sửa toàn bộ sách	Bản xác nhận sử dụng sách của trường Đại Học Giáo dục, ĐHQGHN

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 4 sách chuyên khảo [11,12,16,17] do nhà xuất bản có uy tín xuất bản.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS				
1.	CT-Xây dựng chương trình tiến sĩ về khoa học lâm sàng ở Việt Nam	CN	Viện sức khỏe Quốc Gia Hoa Kỳ, NIH D43 TW007769	2006-2012	2012, tốt
2.	ĐT-Xây dựng mạng lưới tâm lý học đường	CN	QS.06.05, cấp ĐHQG (Bộ)	2006-2009	2010, Tốt
3.	ĐT- Quan niệm của người Việt Nam về sức khỏe tâm thần	TK	NIMH D43-TW05805 của Viện Sức Khỏe Quốc Gia Hoa Kỳ	2003-2005	2006, Tốt
4.	CT- Thích ứng các công cụ đánh giá tâm lý cho người Việt Nam, Chương trình	TK	ĐHQGHN	2008-2010	2010, Tốt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	nhánh của dự án đầu tư chiều sâu				
5.	ĐT- Nghiên cứu dịch tễ các yếu tố nguy cơ và sức khỏe tinh thần trẻ em Việt Nam	TK	Viện Sức khỏe Hoa Kỳ, (R21 TW008435)	2009-2012	2012, Tốt
II.	Sau khi được công nhận PGS				
6.	ĐT- Xây dựng và đánh giá chương trình chăm sóc sức khỏe tinh thần dựa vào trường học	CN	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, VII.2-011.11	2012-2014	2016, Đạt
7.	ĐT- Nghiên cứu trường diễn về hành vi cha mẹ và tâm bệnh ở trẻ em	CN	Viện Sức khỏe Hoa Kỳ, R01TW008664-01A1	2012-2018	2018, tốt
8.	ĐT- Nâng cao cơ sở hạ tầng về tâm lý lâm sàng ở các nước Đông Nam Á	Đồng CN	Viện Sức khỏe Hoa Kỳ, U.S. NIH D43 TW009089	2014-2021	2018. Tốt
9.	ĐT- Nâng cao năng lực nhận biết và chăm sóc sức khỏe tâm thần của cộng đồng	CN	ĐHQGHN, QG.16.61,	2017-2020	2020, xuất sắc
10.	ĐT- Nghiên cứu trường diễn về hành vi nguy cơ đến sức khỏe và các yếu tố dự báo ở vị thành niên	CN	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, 501.02-2016.03	2016-2021	2021, Đạt
11.	ĐT- Xây dựng bộ chỉ số phát triển sinh lý, tâm lý của trẻ em mầm non và học sinh tiểu học phục vụ đổi mới giáo dục và đào tạo Việt Nam	TK	Chương trình KH&CN cấp quốc gia (KHGD/16-20) KHGD /16-20.DT.027	2017-2021	2021, Đạt
12.	CT-Xây dựng mạng lưới hiểu biết về sức khỏe tâm thần Việt Nam	CN	Quỹ VEF	2018-2020	2020, Đạt
13.	CT-Trải nghiệm tuổi thơ tiêu cực: Hợp tác đa ngành phát triển năng lực về tâm lý học, giáo dục và các KHXN khác	Đồng CN	Chương trình hợp tác giáo dục toàn cầu Naury NORPART-2018/10052	2018-2024	Đang thực hiện
14.	ĐT-Khoa học triển khai trong chăm sóc sức khỏe tâm thần học đường	Đồng CN	Viện Sức khỏe Hoa Kỳ	2018-2023	Đang thực hiện
15.	ĐT-Tri liệu tâm lý dựa vào chánh niệm cho trầm cảm ở Việt nam	CN	Viện sức khỏe Hoa Kỳ và ĐH Vanderbilt Hoa Kỳ, QĐ số 1051/QĐ-ĐHGD, ngày 28/6/2022	2021-2023	Đang thực hiện

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

16.	ĐT-Các yếu tố tâm lý xã hội dự báo cho sự trì hoãn trong việc tìm kiếm điều trị ung thư tại Việt Nam	CN	Viện sức khỏe Hoa Kỳ và ĐH Vanderbilt Hoa Kỳ, QĐ số 1052/QĐ-ĐHGD, ngày 28/6/2022	2022-2023	Đang thực hiện
17.	ĐT- Tele-SSM: Sáng kiến công nghệ trong can thiệp hỗ trợ các kỹ năng tự quản lý trầm cảm tại Việt Nam	Thành viên NC chính	Nafosted, NCUĐ.05-2019.29	2019-2023	Đang thực hiện
18.	ĐT-Nâng cao nhận thức về sức khỏe tâm thần ở các cơ sở giáo dục đại học ở Châu Âu và Đông Nam Á	Đồng CN	Liên hiệp châu Âu (EU) 101082744-MentalHigh	2023-2026	Đang thực hiện
19.	ĐT-Giải quyết nhu cầu sức khỏe tâm thần của vị thành niên ở Việt nam và Tanzania thông qua tiếp cận đồng sáng tạo và ứng dụng công nghệ	Đồng CN	Viện nghiên cứu phát triển Hải ngoại, Vương quốc Anh REG-19-022	2020-2023	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS							
1.	Adaptation of the Wechsler Intelligence Scale for Children-IV (WISC-IV) for Vietnam	4	X	Psychological Studies, ISSN: 0033-2968 (print version)	Scopus, Q3	32	56,4, 387-392	2011
2.	Development of Clinical Psychology and Mental Health Resources in Vietnam	11		Psychological Studies, ISSN: 0033-2968 (print version)	Scopus, Q3	20	56,2, 185-191	2011
3.	A Model for Sustainable Development of Child Mental Health Infrastructure in the LMIC World: Vietnam as a Case Example	9		International Perspective in Psychology: Research, Practice, Consultation,	Scopus, Q3	40	1, 1, 63-77	2012

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

				ISSN: 2157-3883 (print version)				
4.	Tìm hiểu ảnh hưởng của hội chứng tăng động giả chú ý đến học tập ở học sinh tiểu học	1	X	Tạp chí tâm lý học			3, 6/2001	2001
5.	Khả năng tự định hướng cho nghề nghiệp và cuộc sống tương lai của học sinh trung học phổ thông	1	X	Tạp chí khoa học giáo dục, Viện KHGDVN			số 29, 2008, 23-28	2008
6.	Công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần trong nhà trường phổ thông ở một số nước phát triển	1	X	Tạp chí khoa học giáo dục, Viện KHGDVN			số 40, 2009, 59-64	2009
7.	Sự cần thiết của nghiên cứu liên ngành giáo dục, tâm lý học, sức khỏe tinh thần trẻ em Việt nam	2		Tạp chí giáo dục, Bộ GD-ĐT			số 207, kì 1-2/2009, 5-7	2009
8.	Thực trạng sức khỏe tâm thần (SKTT) ở học sinh THCS ở Hà Nội và nhu cầu tham vấn SKTT học đường	2	X	Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN			25, 1S, 106-112	2009
9.	Lo lắng của cha mẹ Việt Nam về các vấn đề phát triển, tâm lý của con trẻ	3	X	Tạp chí Tâm lý học, Viện KHXHVN			số 11 (128), 29-41	2009
10.	Phương pháp và quy trình thích nghi trắc nghiệm nước ngoài vào Việt Nam: Một số kinh nghiệm từ việc thích nghi các trắc nghiệm WISC-IV, WAIS, NEO-Pi-R, CPAI	6		Kỷ yếu hội thảo Quốc tế Tâm lý học học đường lần II “Thúc đẩy nghiên cứu và thực hành tâm lý học học đường ở Việt Nam”, NXB Đại học Sư phạm Huế			Trang 421-429,	2011
11.	Hành vi bạo lực ở thanh thiếu niên - Con đường hình thành và cách tiếp cận đánh giá	2	X	Tạp chí Tâm lý học, Viện KHXHVN			12/2011, 9-19	2011
12.	Thực trạng hoạt động tư vấn học đường ở một số trường THPT tại Hà Nội,	2	X	Tạp chí Tâm lý học, Viện KHXHVN			07/2011, 52-63	2011
13.	Nhận thức của giáo viên, học sinh, cán bộ quản lý về các hoạt động tư vấn tâm lý học đường ở các trường đã tồn tại phòng tư vấn	2	X	Kỷ yếu hội thảo Quốc tế Tâm lý học học đường lần II “Thúc đẩy nghiên cứu và thực hành tâm lý học học đường ở Việt Nam”, NXB Đại học Sư phạm Huế,			Trang 276-282	2011
14.	Đào tạo theo năng lực thực hiện trong một số chuyên ngành tâm lý học ứng dụng	3	X	Tạp chí khoa học giáo dục, Viện KHGDVN			số 82, 7/2012, 10-15	2012
15.	Duy trì khỏe mạnh về tâm trí và tự chăm sóc bản thân- nguyên tắc đạo đức hành nghề của cán bộ tâm lý	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế Tâm lý học học đường lần III “Phát triển mô hình và kỹ năng hoạt động Tâm lý học đường, NXB			Trang 302-310	2012

				DHSPTPHCM				
16.	Tỉ lệ trẻ vị thành niên có các vấn đề sức khỏe tâm thần ở miền Bắc Việt Nam	3	X Tác giả liên hệ	Tạp chí khoa học xã hội và nhân văn			28, 1S, 34-40	2012
II Sau khi được công nhận PGS								
17.	A Nationally-Representative Epidemiological and Risk Factor Assessment of Child Mental Health in Vietnam	6		International Perspective in Psychology: Research, Practice, Consultation	Scopus, Q3	60	3,3, 139-153	2013
18.	Drug abuse, relapse and prevention education in Malaysia: perspective of university students through a mixed methods approach	6		Frontiers in Psychiatry	ISI, Q1	40	6, Article 65	2015
19.	Regional research priorities in brain and nervous system disorders	7		Nature	ISI, Q1	30	527, S198-S206	2016
20.	Mental health functioning and functional impairment among a nationally representative sample of Vietnamese children	3	X	Social Psychiatry and Psychiatric Epidemiology	ISI, Q1	4	51, 1, 39-47	2016
21.	Substance Abuse, Relapse, and Treatment Program Evaluation in Malaysia: Perspective of Rehab Patients and Staff Using the Mixed Method Approach	5		Frontiers in Psychiatry	ISI, Q1	25	7, 90, doi: 10.3389/fpsy.2016.00090	2016
22.	Vietnam as a case example of school-based mental health services in low and middle income countries: Efficacy and effects of risk status	5	X	School Psychology International	ISI, Q1	18	38 (1), 22-41	2017
23.	Incremental validity of the Child Behavior Checklist (CBCL) and the Strengths and Difficulties Questionnaire (SDQ) in Vietnam	3	X	Asian Journal of Psychiatry	ISI, Q1	40	29, 96-100	2017
24.	Mental health literacy and intervention program adaptation in the internationalization of school psychology for Vietnam	4	X	Psychology in the schools	ISI, Q1	26	55 (8), 941-954.	2018
25.	Urbanization, and Child Mental Health and Life Functioning in Vietnam: Implications for Global Health Disparities	4		Social Psychiatry and Psychiatric Epidemiology	ISI, Q1	4	55, 673-683	2020
26.	Experimental evaluation of a school-based mental health literacy program in two Southeast Asian nations, School Mental Health	5		School Mental Health	ISI, Q1	7	12(4), 716-731.	2020
27.	Mental Health Literacy at the	4	X	PLOS one,	ISI, Q1	18	15,12,	2020

	Public Health Level in Low and Middle Income Countries: An Exploratory Mixed Methods Study in Vietnam							e0244573.	
28.	Child mental health literacy among Vietnamese and Cambodian mothers	7	X	Psychological Studies	Scopus, Q3	3		66,1, 62-72	2021
29.	Recognition of anxiety disorder and depression and literacy of first-aid support: a cross-sectional study among undergraduate students in Ha Noi, Viet Nam	3		Health Psychology Open	Scopus, Q2	3		January-June 2021,1-6	2021
30.	Mental health of university students in Southeastern Asia: A systematic review	4		Asia Pacific Journal of Public Health	Scopus, Q3	19		34,2-3, 172-181	2021
31.	Mental health literacy of university students in Vietnam and Cambodia	8		International Journal of Mental Health Promotion,	Scopus, Q4	1		24,3, 439-456	2022
32.	Effects of Individual Differences, Society, and Culture on Youth-Rated Problems and Strengths in 38 Societies	30		Journal of Child Psychology and Psychiatry	ISI, Q1	2		63,11, 1297-1307	2022
33.	Prevalence of Adverse Childhood Experiences among Vietnamese High School Students	3	X Tác giả liên hệ	Child Abuse & Neglect	ISI, Q1	2		12, 105628.	2022
34.	The "Big Four" Health Risk Behaviors among Vietnamese adolescents: Co-occurrence and social-cultural risk factors	3	X	Health Psychology and Behavioral Medicine,	ISI, Q2	0		10,1, 379-398	2022
35.	Concurrent and convergent validity of culture-specific psychopathology syndromes among Cambodian adolescents	6		Transcultural Psychiatry	ISI, Q2	0		doi.org/10.1177/13634615221140	2022
36.	Sooner is Better: Longitudinal Relations Between Delay Discounting, and Depression and Anxiety Symptoms among Vietnamese Adolescents	5	X Tác giả liên hệ	Research on Child and Adolescent Psychopathology	ISI, Q1	0		51, 133-147	2023
37.	Kỳ vọng của học sinh về các kiểu tương tác với giáo viên,	2	X	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: khoa học xã hội và nhân văn				28, 1S, 112-119	2012
38.	Từ tâm lý học lâm sàng đến tư vấn tâm lý trường học- hiện trạng và con đường phát triển	2		Tạp chí Khoa học Giáo dục,				8-2013, tr 9-14	2013
39.	Nghiên cứu dịch tễ học các vấn đề SKTT trẻ em Việt Nam trên nhóm mẫu đại diện toàn quốc,	4	X	Tạp chí Tâm lý học,				12/2013, 9-14	2013

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

40.	Tương quan giữa mức độ sử dụng Internet và các vấn đề SKTT ở học sinh THCS	2	X	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu giáo dục			29(2), 34-42	2013
41.	Nghiên cứu tỉ lệ RLTDGCY ở học sinh tiểu học quận Ba Đình, Hà Nội	2		Tạp chí Khoa học Giáo dục			111, 12-2014, 7-10	2014
42.	Sàng lọc phát triển cho trẻ mầm non: các tiêu chí lựa chọn bộ công cụ tốt	1	X	Kỷ yếu hội thảo “Sức khỏe tâm thần trong trường học”, NXB ĐHQGTPHCM, ISBN 978-604-73-2638-9.				2014
43.	Chương trình chăm sóc sức khỏe tâm thần dựa vào trường học-Tổng quan các nghiên cứu trên thế giới và thử nghiệm triển khai ở Việt Nam.	2	X	Tác giả liên hệ Kỷ yếu hội thảo quốc tế TLHHD IV “Xây dựng và quản lý chất lượng chương trình đào tạo và cơ sở thực hành tâm lý học học đường ở Việt Nam”, NXB ĐHQGHN, ISBN:978-604-62-1422-9			Trang 133-141.	2014
44.	Ảnh hưởng của chương trình Nối Kết đối với sự thay đổi hành vi của giáo viên trong quản lý học sinh lớp 2 trên lớp.	2		Kỷ yếu hội thảo quốc tế TLHHD IV “Xây dựng và quản lý chất lượng chương trình đào tạo và cơ sở thực hành tâm lý học học đường ở Việt Nam”, NXB ĐHQGHN, ISBN:978-604-62-1422-9			Trang 141-149.	2014
45.	Sự thay đổi của các biểu hiện vấn đề hướng nội, hướng ngoại ở học sinh tiểu học dưới tác động của các biện pháp quản lý hành vi	2		Kỷ yếu hội thảo “Sức khỏe tâm thần trong trường học”, NXB ĐHQGTPHCM, trang 581-592. ISBN: 978-604-73-2638-9			Trang 581-592	2014
46.	Ảnh hưởng của chương trình Nối Kết đến sự thay đổi hành vi của giáo viên trong quản lý học sinh lớp 2.	2		Tạp chí Tâm lý học.			số 9, 2015, 30-41	2015
47.	Nhận thức của giáo viên tiểu học về sức khỏe tâm thần ở trẻ em	2	X	Tác giả liên hệ Tạp chí khoa học ĐHSPhN			61, 2A/2016, 187-197	2016
48.	Tác động của chương trình chăm sóc SKTT NỐI KẾT đến việc cải thiện kỹ năng xã hội ở học sinh tiểu học	2	X	Tạp chí khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu giáo dục,			32, 1, 10-19	2016
49.	Hỗ trợ sức khỏe tâm thần và tâm lý xã hội trong tình huống khẩn cấp và thảm họa- Những nỗ lực ban đầu nâng cao năng lực ở Việt Nam.	1	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Nâng cao chất lượng đào tạo CTXH với chuyên nghiệp hóa dịch vụ CTXH”, NXBĐHQGTPHCM, ISBN 978-604-73-3841-2			Trang 276-283	2016
50.	Tìm kiếm sự trợ giúp về sức khỏe tâm thần ở vị thành niên và thanh niên: Một số vấn đề lý luận,	2		Kỷ yếu hội thảo quốc tế TLHHD lần 5 “Phát triển Tâm lý học học đường trên thế giới và ở Việt Nam”, NXB ĐHSPhN, ISBN ISBN			Trang 788-796	2016

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

				978-604-54-4471-9				
51.	Nâng cao hiểu biết về sức khỏe tâm thần: Tổng quan các nghiên cứu về chương trình can thiệp học đường trên thế giới,	2		Kỷ yếu hội thảo quốc tế TLHHD lần 5 “Phát triển Tâm lý học học đường trên thế giới và ở Việt Nam”, NXB ĐHSĐN, ISBN 978-604-54-4471-9			Trang 28-44.	2016
52.	Kỳ vọng của cha mẹ và ảnh hưởng của nó đến sự phát triển tâm lý của con cái: Tổng quan lý luận	2		Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc lần 2 Tâm lý học, Giáo dục học với tình yêu, hôn nhân và gia đình, NXB Thông tin và Truyền Thông. ISBN: 978-604-80-2663-9.			Trang 241-253	2017
53.	Tình trạng SKTT và hiểu biết về SKTT của sinh viên tại Hà Nội	2		Kỷ yếu hội thảo quốc tế Tâm lý học khu vực Đông Nam Á, quyển, Hà Nội: NXB ĐHQGHN. ISBN: 978-604-62-9913-4			Quyển 2, 60-69	2017
54.	Mối liên hệ giữa trải nghiệm thơ ấu tiêu cực và hành vi tội phạm	2		Kỷ yếu hội thảo quốc tế Tâm lý học khu vực Đông Nam Á, Hà Nội: NXB ĐHQGHN. ISBN: 978-604-62-9913-4			quyển 3,405-415	2017
55.	Tổng quan về các hành vi nguy cơ đe dọa sức khỏe ở trẻ vị thành niên: thực trạng, các mô hình lý thuyết và các yếu tố liên quan,	2		Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ 3 “Phát triển hòa nhập xã hội dựa vào cộng đồng: cơ hội và thách thức, NXB ĐHQGTPHCM. ISBN: 978-604-73-5599-0.			Trang 349-358	2017
56.	Đào tạo chuyên gia trị liệu hôn nhân và gia đình: Kinh nghiệm thế giới.	3		Kỷ yếu hội thảo khoa học toàn quốc lần 2 Tâm lý học, Giáo dục học với tình yêu, hôn nhân và gia đình, NXB Thông tin và Truyền Thông ISBN: 978-604-80-2663-9.			Trang 53-65.	2017
57.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các chương trình nâng cao hiểu biết của cộng đồng về sức khỏe tâm thần,	2	X	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Tâm lý học và sự phát triển bền vững con người trong thời kỳ cách mạng công nghệ 4.0”, NXB ĐHQGTPHCM, ISBN 978-604-73-5736-9			Trang 237-249.	2017
58.	Hiểu biết chung của cộng đồng về rối loạn phổ tự kỉ,	3		Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội			62, 9AB, 346-354.	2017
59.	Đặc điểm dịch vụ trị liệu tâm lý tại bệnh viện tâm thần tuyến tỉnh của Việt Nam	2		Tạp chí Tâm lý học			9-2018, 3-18	2018
60.	Hiểu biết về SKTT trẻ em của giáo viên THCS tại thành phố Đà Nẵng	2		Kỷ yếu hội thảo quốc tế Tâm lý học học đường lần 6, NXBĐHSĐN, ISBN 978-604-54-4471-9			Trang 610-617,	2018
61.	Mối quan hệ giữa suy giảm chức năng và SKTT của học sinh THCS và THPT	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế Tâm lý học học đường lần 6, NXBĐHSĐN, ISBN 978-604-54-4471-9			Trang 1030-1038,	2018
62.	Mối quan hệ giữa hoạt động thể chất và SKTT ở học sinh: Nghiên cứu tổng quan,	1	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Giáo dục cho mọi người”, NXB ĐHQGHN, , ISBN 978-604-62-66208			Trang 355-365	2018

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

63.	Trị liệu hành vi biện chứng đối với rối loạn nhân cách ranh giới,	1	X	Kỷ yếu hội nghị khoa học tâm lý học lâm sàng, NXB Y học. ISBN 978-604-66-3471-3			Trang 1-8	2018
64.	Thích ứng công cụ đo xung đột đồng đẳng về gây hấn PCS 20 ở Việt Nam	2		Tạp chí Tâm lý học			9-2019, 29-39	2019
65.	Xác định các chỉ số phát triển tâm lý của trẻ lứa tuổi tiểu học (6-11 tuổi) và ứng dụng ở Việt Nam	2	X	Tạp chí Tâm lý học			9-2019, 3-15	2019
66.	Assessing the Effectiveness of Teachers' Mental Health Literacy Training in Cambodia: A Randomized Controlled Trial	5		VNU Journal of Education Research			35, 3, 100-114.	2019
67.	Predictors of Mental Health Help Seeking among Cambodian Adolescents	3		VNU Journal of Education Research,			35, 3, 115-124.	2019
68.	Chiết khấu trì hoãn và mối liên hệ với các hành vi nguy cơ đến sức khỏe: Tổng quan nghiên cứu và đề xuất ứng dụng trong trường học ở Việt Nam	3		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu giáo dục			35,4, 75-86	2019
69.	Hiểu biết về rối loạn cảm xúc lưỡng cực ở sinh viên,	2		Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ 5 Hiểu biết về SKTT trong trường học và cộng đồng, NXB ĐHQGHN. ISBN: 978-604-9870-57-6			Trang 90-97	2019
70.	Từ can thiệp dựa trên thực chứng đến khoa học triển khai trong dịch vụ sức khỏe tâm thần học đường: các vấn đề lý luận trên thế giới và thực tiễn ở Việt nam	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ 5 Hiểu biết về SKTT trong trường học và cộng đồng, NXB ĐHQGHN. ISBN: 978-604-9870-57-6			Trang 44-55	2019
71.	Mental Health Literacy at the Public Health Level in LMIC: Supporting Effective Help-seeking Behavior	4		Mental health literacy in schools and community, Proceedings from the 5th International Conference, VNU Publishing House, ISBN: 978-604-9870-57-6			Trang 11-15.	2019
72.	Recognition of anxiety disorder and depression and literacy of first aid support: findings from a cross-sectional study among sociology students in Hanoi, Vietnam	3		Mental health literacy in schools and community, Proceedings from the 5th International Conference, VNU Publishing House, ISBN: 978-604-9870-57-6			Trang 162-172	2019
73.	The unique relation between Cambodian somatic symptom and syndrome inventory items and functional impairment among adolescents in Cambodia	5		Mental health literacy in schools and community, Proceedings from the 5th International Conference, VNU Publishing House, ISBN: 978-604-9870-57-6			Trang 247-258	2019
74.	Adaptation, implementation, and pilot testing of a school-based mental health literacy program in Cambodia	4		Mental health literacy in schools and community, Proceedings from the 5th International Conference,			Trang 29-43	2019

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

				VNU Publishing House, ISBN: 978-604-9870-57-6				
75.	Effectiveness of Shining Mind- A smartphone app to increase mental health literacy among college students	3	X Tác giả liên hệ	VNU Journal of Sciences: Education Research			36,4, 75-85	2020
76.	Mối quan hệ giữa đặc điểm nhân tâm-vô cảm và hành vi gây hấn ở học sinh THPT,	2		Tạp chí Tâm lý học,			1-2021, 44-60.	2021
77.	Hình thức và chức năng của gây hấn ở học sinh THPT	2		Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu giáo dục			37,1, 102-111	2021
78.	Vai trò của phong cách làm cha mẹ đối với sức khỏe tâm thần của học sinh phổ thông	2		Tạp chí Tâm lý học,			10/2021, 78-97	2021
79.	Hiểu biết về sức khỏe tâm thần của Phật tử,	2	X Tác giả liên hệ	Tạp chí Tâm lý học Việt Nam			1-2022, 3-20	2022
80.	Năng lực cảm xúc xã hội và mối quan hệ với sức khỏe tâm thần của trẻ em ở lứa tuổi tiểu học	4	X	Tạp chí Tâm lý học			3/2022, 17034	2022
81.	Trải nghiệm về trường học, các hoạt động ngoài trường học và Sức khỏe tâm thần ở lứa tuổi tiểu học	4	X	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu giáo dục			38, 3, 72-8	2022
82.	Mối quan hệ giữa trải nghiệm tuổi thơ tiêu cực và ý tưởng tự sát ở thanh niên	3	X Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học xã hội và nhân văn,			8,6, 736-751	2022
83.	Chất lượng cuộc sống của người chăm sóc bệnh nhân tâm thần phân liệt	2	X	Tạp chí Tâm lý học,			7-2012, 26-39	2022
84.	Mental health and psychosocial support needs among Vietnamese families during the first wave of the Covid-19 pandemic in Hanoi: A mixed methods study	5	X	V MOST Journal of Social Sciences and Humanities,			64,3, 3-17.	2022
85.	Technology-based cognitive behavioural treatments for anxiety disorders in youth: A systematic review	3		"The world in crisis: the contribution of psychology, International Conference Proceedings, VNU Publishing House, ISBN 9786049992728			Trang 432-454	2022
86.	Relations between behavioral risk factors and risky driving among Cambodian adolescents	4		The world in crisis: the contribution of psychology, International Conference Proceedings, VNU Publishing House, ISBN 9786049992728			Trang 207-216	2020
87.	Feasibility and Fit of the PsychClub- A school mental health promotion program developed through co-creation approach	11	X	Proceedings of the 1st happy schools international symposium can happiness skills be learned? Hue University Publishing House ISBN 978-604-399-178-9.			Trang 178-187	2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

88.	Xây dựng chương trình hỗ trợ sức khỏe tâm thần trong trường học cho học sinh trung học thông qua tiếp cận đồng sáng tạo	10	X Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Nghiên cứu giáo dục,			https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4752	2023
89.	Ứng dụng khoa học triển khai trong các can thiệp tâm lý học đường	1	X	Kỷ yếu hội thảo “Chăm sóc sức khỏe tinh thần”, NXB ĐHSP TPHCM ISBN 978-604-367-305-0			Trang 1-5	2023
90.	Narrative review of the verbal memory assessment for children and adolescents	2		Proceedings of International Conference on Social Sciences and Humanities, VNU-HCM Publishing House, ISBN 786047398201			p.238-245	2023

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 9 [20,22,23,24,27,28,33,34,36]

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

.....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình thạc sĩ Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên, trường ĐHGD	Tham gia	<p>QĐ thành lập tổ công tác điều chỉnh chương trình số 2138/QĐ-ĐHGD ngày 31/12/2017</p> <p>QĐ thành lập tổ công tác thực hiện điều chỉnh chương trình số 418/QĐ-ĐHGD ngày 28 tháng 03 năm 2022</p> <p>QĐ thành lập ban chuyên môn triển khai công tác điều chỉnh chương trình đào tạo, số 908/QĐ-ĐHGD, ngày 13 tháng 04 năm 2023</p>	ĐHGD	<p>QĐ số 2188/QĐ-ĐHGD ban hành chương trình thạc sĩ ban hành ngày 20/12/ 2018</p>	
2	Chương trình tiến sĩ Tâm lý học lâm sàng trẻ em và vị thành niên, trường ĐHGD	Tham gia (thư kí)	<p>QĐ thành lập nhóm chuyên gia xây dựng đề án mở ngành TS TLHLS TE &VTN số 741 ngày 27/9/2013</p> <p>QĐ thành lập nhóm chuyên gia điều chỉnh chương trình số 430/QĐ-</p>	<p>ĐHQGHN</p> <p>ĐHGD</p>	<p>QĐ ban hành chương trình số 2163/QĐ-ĐHQGHN kí ngày 15 tháng 6 năm 2015</p> <p>QĐ số 1516/QĐ-ĐHGD ban hành chương trình Tiến sĩ TLHLS ngày</p>	

			ĐHGD ngày 2/4/2018 QĐ thành lập ban chuyên môn triển khai công tác điều chỉnh chương trình đào tạo, số 908/QĐ-ĐHGD, ngày 13 tháng 04 năm 2023		25 tháng 9 năm 2018	
3	Chương trình thạc sĩ Tham vấn học đường, trường ĐHGĐ	Tham gia	QĐ thành lập nhóm chuyên gia xây dựng chương trình số 2138/QĐ-ĐHGD ngày 31/12/2017	ĐHQGHN	QĐ ban hành chương trình 155/QĐ-ĐHQGHN, kí ngày 11 tháng 01 năm 2018	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội, ngày 26 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Đặng Hoàng Minh